TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **358/**2025/KDTM-PT

Ngày: 18/11/2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Ngọc Quyên**;

*Các Thẩm phán:*Ông **Phan Nguyên Nguyên**

Bà **Hoàng Thị Bích Thảo**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lương Thị Thu Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Vũ Thị Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2025/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2025/KDTM-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2-Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6203/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20136/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH G;

Địa chỉ: 1 đường H, Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H; sinh năm: 1979 (Giấy ủy quyền ngày 23/9/2025);

Địa chỉ liên hệ: 478/14 đường N, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Y;

Địa chỉ trụ sở: Lô G đường số D, Khu chế xuất S, Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Phi L; sinh năm: 1972 (Giấy ủy quyền 0511/YJ.2025 ngày 05/11/2025);

Địa chỉ liên hệ: Lô S, đường số D, Khu chế xuất S, Phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty G1 Nam/nguyên đơn) và Công ty TNHH Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y1 Vina/bị đơn) có ký kết các hợp đồng như sau:

1. Hợp đồng số 20200825/YTD ngày 26/8/2020, theo đó nguyên đơn cung cấp phụ tùng và dịch vụ sửa chữa máy nén khí cho bị đơn theo các đơn hàng PO2008-0489; PO2008-0492; PO2008-0493. Giá trị hợp đồng là 84.192.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp phụ tùng và dịch vụ sửa chữa và bị đơn đã nghiệm thu công việc. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000108 ngày 10/5/2022 với số tiền 84.192.000 đồng và bị đơn đã thanh toán số tiền 21.192.000 đồng; còn nợ số tiền 63.000.000 đồng.

2. Hợp đồng số 20190803/YJN ngày 10/8/2019, theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ sửa chữa motor quạt cho bị đơn theo đơn hàng PO1908-0072. Giá trị hợp đồng là 3.500.000 đồng; nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ sửa chữa và bị đơn đã nghiệm thu công việc. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000006 vào ngày 25/9/2019 với số tiền 3.500.000 đồng, nhưng sau đó hóa đơn này không được ghi nhận, nên các bên thống nhất xuất lại hóa đơn giá trị gia tăng số 00000110 vào ngày 10/5/2022 với số tiền 3.500.000 đồng.

3. Hợp đồng ngày 02/11/2022, theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ sửa chữa và thiết bị thay thế cho máy nén khí GA75 NO.7 Yujinl cho bị đơn theo đơn hàng PO2211-0065 ngày 02/11/2022. Giá trị đơn hàng là 6.443.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ và bị đơn đã nghiệm thu công việc. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000299 ngày 20/12/2022 với số tiền là 6.443.000 đồng.

4. Hợp đồng ngày 08/11/2022, theo đó nguyên đơn cung cấp dịch vụ sửa chữa máy nén khí GA75 NO.7 Yujin1 cho bị đơn theo đơn hàng PO2211-0216 ngày 08/11/2022. Giá trị đơn hàng là 7.000.000 đồng. Nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ và bị đơn đã nghiệm thu công việc. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000300 vào ngày 20/12/2022 với số tiền là 7.000.000 đồng.

Do bị đơn không thanh toán tiền, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Bị đơn thanh toán số tiền 79.943.000 đồng, theo các hóa đơn số 00000006 ngày 25/9/2019, hóa đơn số 00000299 ngày 20/12/2022, hóa đơn số 00000300 ngày 20/12/2022 và một phần hóa đơn số 00000108 ngày 10/5/2022.

- *Bị đơn trình bày:* Công ty TNHH Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lý do nguyên đơn khởi kiện và cung cấp các tài liệu chứng cứ không hợp pháp, nội dung mâu thuẫn, hàng hóa không có phiếu xuất kho; nên bị đơn không có đủ thông tin và căn cứ để trả tiền cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2025/KDTM-ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH G:

Buộc Công ty TNHH Y phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty TNHH G số tiền còn thiếu trong việc mua bán hàng hóa là 79.943.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Y phải chịu số tiền 3.997.150 đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH G số tiền 4.370.825 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0079041 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 11/7/2025, Bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do hồ sơ, chứng cứ không hợp lệ, không có giá trị pháp lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện bị đơn trình bày: Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng về đánh giá chứng cứ quy định tại Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về hình thức văn bản nên không có giá trị pháp lý, không thể sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trường hợp không hủy bản án sơ thẩm, bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các tài liệu chứng cứ nguyên đơn khởi kiện không tuân thủ về hình thức và nội dung có mâu thuẫn với nhau nên không thể xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, do bộ phận nhân sự kế toán công ty phụ trách về lĩnh vực này đã nghỉ việc, các tài liệu, chứng từ của công ty bị thất lạc, nên bị đơn không có cơ sở để xác nhận khoản nợ và thanh toán tiền cho nguyên đơn.

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và bị đơn ký kết với nhau rất nhiều hợp đồng và liên tục nhiều năm, công việc của nguyên đơn là cung cấp dịch vụ sửa chữa và phụ tùng thiết bị thay thế máy nén cho bị đơn, các bên đã

thanh toán tiền và nghiệm thu xong. Hiện tại bị đơn còn nợ số tiền của 03 hóa đơn về dịch vụ sửa chữa và 01 hóa đơn cung cấp phụ tùng và sửa chữa chưa thanh toán. Nguyên đơn đã gửi đầy đủ tài liệu, chứng từ cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán tiền. Lý do kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, các đương sự không tự hòa giải với nhau được về việc giải quyết vụ án, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Y còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ tài liệu, chứng từ thể hiện tại hồ sơ vụ án và lời trình bày xác nhận của nguyên đơn, bị đơn tại Tòa án cấp phúc thẩm thì nguyên đơn Công ty TNHH G có nhận cung cấp phụ tùng, thiết bị thay thế và dịch vụ sửa chữa máy nén khí cho bị đơn Công ty TNHH Y thông qua các đơn hàng theo nhiều hợp đồng đã ký kết. Nguyên đơn đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số tiền theo từng đơn hàng và phía bị đơn cũng đã thanh toán tiền cho nguyên đơn và còn nợ lại số tiền 79.943.000 đồng của các hóa đơn số 00000006 ngày 25/9/2019, hóa đơn số 00000299 ngày 20/12/2022, hóa đơn số 00000300 ngày 20/12/2022 và một phần hóa đơn số 00000108 ngày 10/5/2022 chưa thanh toán.

Xét ý kiến của bị đơn trình bày, việc bị đơn chưa thanh toán số tiền 79.943.000 đồng cho nguyên đơn là do các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn khởi kiện không tuân thủ về hình thức văn bản, nội dung tài liệu có mâu thuẫn và do nhân viên kế toán công ty N, công ty bị thất lạc các tài liệu, chứng từ, nên không có cơ sở để xác nhận khoản nợ và thanh toán tiền cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn đã cung cấp phụ tùng, thiết bị và dịch vụ sửa chữa cho bị đơn, phía bị đơn đã nghiệm thu công việc và cũng không có khiếu nại gì về chất lượng dịch vụ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy, việc bị đơn không thực

hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ và xuất hóa đơn chứng từ cho bị đơn là vi phạm hợp đồng, vi phạm thỏa thuận các bên.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 79.943.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài ý kiến đã trình bày, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn, vì vậy ý kiến trình bày của bị đơn Công ty TNHH Y phản đối các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Y, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Từ những nhận định nêu trên, phù hợp với phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Đối với phần quyết định lãi, lãi suất trong bản án sơ thẩm đã tuyên "*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015*" là chưa phù hợp theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Y. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty TNHH G:

Buộc Công ty TNHH Y có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G số tiền nợ trong việc mua bán hàng hóa là 79.943.000 (*Bảy mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH G cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Y phải chịu số tiền án phí là: 3.997.150 đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH G số tiền 4.370.825 đồng, đã nộp theo Biên lai thu số 0079041 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2-Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí phúc thẩm:

Công ty TNHH Y phải chịu số tiền 2.000.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005826 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND tối cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND Khu vực 2-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 2-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Quyên